

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HS - ST

Ngày: 12 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Ninh và ông Võ Xuân Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2025/HSST ngày 17/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HS ngày 15/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐ-HSST, ngày 30/12/2025 đối với bị cáo: Võ Văn T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1960, nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH T5; trình độ học vấn: Lớp 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; Vợ Nguyễn Thị H (đã ly hôn), con: Có 04 con, con lớn sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 08/8/2018, bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình cũ xét xử, tuyên phạt 25 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 50 tháng về tội “Đánh bạc”. Đến ngày 08/10/2022 là hết thời gian thử thách của án treo.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/11/2024 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH T5, đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn T, sinh năm 1960 – Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc; địa chỉ trụ sở: đường H, phường N, thành phố Đ, có mặt tại phiên tòa.

+ Võ Thanh K, sinh năm 1961 - Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty TNHH T5 (giai đoạn từ năm 2019 đến ngày 14 tháng 4 năm 2022); địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên tòa.

+ Võ Thanh V1, sinh năm 1995 - Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc công ty : Công ty TNHH T5 (giai đoạn từ năm 14/4/2022 đến tháng 6/2023); địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên tòa.

+ Võ Tiến D, sinh năm 1985 – Giám đốc điều hành mỏ đá Lèn K - Công ty TNHH T5; địa chỉ: Số A T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

+ Nguyễn Viết H1, sinh năm 1991 – Kế toán trưởng Công ty TNHH T5; địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên toà.

- *Người làm chứng:*

+ Hoàng Trọng T2, sinh năm 1983; Thôn R, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên toà.

+ Lê Trung T3, sinh năm 1984; Thôn Đ, xã L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên toà.

+ Nguyễn Viết D1, sinh năm 1985; Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên toà.

+ Võ Quốc T4, sinh năm 1991; Thôn H, xã Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên toà.

+ Trần Quang L, sinh năm 1998; Thôn R, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06 tháng 7 năm 2000, Công ty TNHH T5 được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; mã số doanh nghiệp C, trụ sở tại đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (cũ) do Võ Văn T làm Giám đốc. Đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 16/10/2010, chuyển đổi thành Công ty TNHH T5 có hai thành viên trở lên do Võ Văn T làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc, ông Võ Thanh K là thành viên góp vốn. Đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 16/6/2023 do Võ Văn T làm Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, ông Võ Thanh K là thành viên góp vốn. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng. Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Chi cục Thuế khu vực Đ – Quảng Ninh thuộc Cục Thuế tỉnh Q (cũ). Ngành nghề: xây dựng tổng hợp, khai thác khoáng sản...

Ngày 11/3/2011, UBND tỉnh Q (cũ) có Quyết định số: 503/QĐ-UBND về việc cấp giấy phép khai thác đá vôi xây dựng cho Công ty TNHH T5, cho phép Công ty K1 xây dựng tại mỏ đá Lèn K thuộc xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ).

Căn cứ kết quả điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo Võ Văn T như sau:

Từ năm 2021 đến năm 2023, Võ Văn T với các vai trò là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, thành viên góp vốn Công ty TNHH T5 đã trực tiếp điều hành công nhân thực hiện việc khai thác đá tại khu vực ngoài phạm vi được cấp phép của mỏ đá Lèn Khe Dây thuộc xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ), cụ thể: Cuối năm 2020, quá trình khai thác đá tại mỏ đá Lèn Khe Dây do dư chấn của việc sử dụng thuốc nổ và thời tiết mưa lũ có nguy cơ gây sạt lở đá ở ngoài phạm

vi được cấp phép của mỏ đá, vì đảm bảo an toàn nên Võ Văn T đã điều hành công nhân thực hiện việc nổ mìn ở phía Tây mỏ đá Lèn Khe Dây (ngoài phạm vi mỏ được cấp phép) để loại bỏ các khối đá có nguy cơ sạt lở. Sau khi thực hiện việc loại bỏ các khối đá ngoài phạm vi được cấp phép, T nhận thấy loại đá tại vị trí trên giống với loại đá trong mỏ đá Lèn Khe Dây, vì vậy T đã trực tiếp điều hành công nhân thực hiện việc khai thác đá tại khu vực ngoài phạm vi được cấp phép trên.

Theo kết luận giám định của Liên đoàn địa chất B, Cục Đ1 thuộc Bộ T6 xác định: Công ty TNHH T5 khai thác khối lượng đá ngoài phạm vi được cấp phép của mỏ đá Lèn Khe Dây là 86.728,8m³. Từ năm 2021 đến năm 2023, Công ty TNHH T5 đã sử dụng 44.100 m³ đá để ủng hộ xây dựng cầu đường, giao thông cho các địa phương trong địa bàn huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ). Tuy nhiên, do thời gian xảy ra vụ việc đã lâu, việc khai thác đá trong phạm vi mỏ và ngoài phạm vi mỏ được cấp phép diễn ra đồng thời, xen lẫn nhau. Số đá khai thác được đều tập trung vận chuyển về khu vực máy xay đá tại mỏ đá, không có sổ sách ghi chép việc khai thác khoáng sản nằm ngoài phạm vi mỏ được cấp phép. Kết quả điều tra không xác định được cụ thể hàng năm Võ Văn T khai thác đá vượt ra ngoài phạm vi mỏ được cấp phép là bao nhiêu và không xác định được giá trị khoáng sản đã khai thác ngoài phạm vi mỏ được cấp phép hàng năm. Vì vậy, kết quả điều tra cũng không xác định được Công ty TNHH T5 lợi bất chính hàng năm từ việc khai thác khoáng sản ngoài phạm vi mỏ được cấp phép và không xác định được trong tổng số khoáng sản Công ty đã hỗ trợ chính quyền địa phương sử dụng vào các công trình công cộng, khối lượng khoáng sản khai thác ngoài phạm vi mỏ được cấp phép là bao nhiêu.

Đến tháng 12/2023, Đoàn Thanh tra của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q (cũ) tiến hành kiểm tra, phát hiện nội dung vi phạm trên. Vì vậy, Võ Văn T đã ngừng việc điều hành khai thác đá tại địa điểm vi phạm.

Kết quả xác định hiện trường: Khu M có diện tích 3 ha, cách đường M khoảng 3,9km về phía Tây Nam; cách UBND xã T 2,6km về phía T, thuộc Lèn K, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ) được giới hạn bởi 04 điểm góc quy định tại Quyết định số: 503/QĐ-UBND ngày 11/3/2011 của UBND tỉnh Q (cũ). Khu vực khai thác ngoài phạm vi cấp phép có diện tích 12.141m² (1,2141 ha) nằm ở phía Tây Nam mỏ đá Lèn Khe Dây, được giới hạn bởi 11 điểm góc.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Liên đoàn địa chất B, Cục Đ1 thuộc Bộ T6 kết luận: *Loại đá bị khai thác vượt ra ngoài phạm vi được cấp phép tại mỏ đá Lèn K, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình là: Đá vôi vi hạt màu xám, xám xanh, xám đen làm nguyên liệu xi măng (cấp trữ lượng 333). Khối lượng đá đã khai thác ngoài phạm vi được cấp phép là: 433.644m³ (cấp trữ lượng 333).*

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017 của Bộ T6 về Môi trường, cấp trữ lượng 333 có mức độ tin cậy địa chất của trữ lượng bảo đảm tối thiểu 20%. Do các thành viên giám định của Liên đoàn địa chất B, Cục Đ1 thuộc Bộ T6 không xác định được mức độ tin cậy địa chất của trữ lượng đạt bao nhiêu phần trăm (%) nên được áp dụng mức độ tin cậy tối thiểu của cấp trữ lượng. Như vậy: khối lượng đá khai thác ngoài phạm vi được cấp phép là 433.644m^3 (cấp trữ lượng 333) $\times 20\% = 86.728,8\text{m}^3$.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 3432/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Bình, kết luận: Giá trị 1m^3 đá vôi vi hạt màu xám, xám xanh, xám đen làm nguyên liệu xi măng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thời điểm năm 2021, 2022, 2023 là 110.000 đồng.

Như vậy: Tổng trị giá khoáng sản khai thác ngoài phạm vi được cấp phép (theo Quyết định số: 503/QĐ-UBND ngày 11/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q) là: $86.728,8\text{m}^3 \times 110.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 9.540.168.000 \text{ đồng}$.

Vật chứng của vụ án: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số đá khai thác ngoài phạm vi cấp phép nêu trên, do không biết do vi phạm mà có nên Công ty TNHH T5 đã sử dụng để hỗ trợ các đơn vị trong địa phương xã T, xã D như: khắc phục hậu quả lũ lụt, đường sá, giao thông nội đồng, hỗ trợ trường học, trạm xá và nâng cấp, tu sửa đường vào mỏ đá... với tổng khối lượng hỗ trợ là 44.100m^3 . Vì vậy, cần xác định 41.100m^3 đá sử dụng vào việc hỗ trợ phục vụ lợi ích công cộng trên là để khắc phục hậu quả.

Căn cứ theo kết luận định giá tài sản: 44.100m^3 đá vôi vi hạt màu xám, xám xanh, xám đen làm nguyên liệu xi măng có giá: $44.100\text{m}^3 \times 110.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 4.851.000.000 \text{ đồng}$.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo Võ Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 400.000.000 đồng và Công ty TNHH T5 nộp số tiền 384.883.500 đồng để khắc phục hậu quả.

Như vậy, tổng số tiền đã khắc phục hậu quả trong vụ án là: $400.000.000 + 384.883.500 + 4.851.000.000 = 5.635.883.500 \text{ đồng}$.

Yêu cầu bị cáo Võ Văn T và Công ty TNHH T5 tiếp tục thực hiện việc khắc phục hậu quả đối với số tiền còn lại là: $9.540.168.000 - 5.635.883.500 = 3.904.284.500 \text{ đồng}$.

Tại Bản cáo trạng số: 215/CT-VKSQT-P3 ngày 11/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố Võ Văn T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung theo Điều 18 Luật số 86/2015/QH15 ngày 25/6/2025.

Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b

khoản 2 Điều 227; điểm b, s, t, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền bị cáo Võ Văn T từ 1.800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng. Buộc bị cáo Võ Văn T phải nộp số tiền 4.689.168.000 đồng khắc phục hậu quả nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả và buộc bị cáo tiếp tục nộp số tiền 3.904.284.500 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng, và Bản luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, Cơ quan Điều tra, cơ quan Truy tố đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền, ban hành các quyết định tố tụng theo đúng trình tự pháp luật quy định.

[2] Xét lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Từ năm 2021 đến năm 2023, Võ Văn T với các vai trò là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, thành viên góp vốn Công ty TNHH T5 đã trực tiếp điều hành công nhân thực hiện việc khai thác đá tại khu vực ngoài phạm vi được cấp phép của mỏ đá Lèn Khe Dây với diện tích 12.141m², tổng khối lượng khoáng sản khai thác vượt ra ngoài phạm vi mỏ là 86.728,8m³. Tổng giá trị khoáng sản bị khai thác vượt ra ngoài phạm vi mỏ gây thiệt hại cho Nhà nước là 9.540.168.000 đồng.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Võ Văn T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài nguyên khoáng sản là tài sản quốc gia do nhà nước thống nhất quản lý, mọi hoạt động khai thác đều phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, nhưng vẫn cố tình vi phạm. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, vừa xâm phạm quy định của nhà nước về quản lý tài nguyên, vừa gây ảnh hưởng đến trật tự kinh tế, môi trường trên địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả (đã nộp khắc phục số tiền 4.689.168.000 đồng); tích cực hợp tác với Công an xã T, tỉnh Quảng Trị trong việc phát hiện tội phạm, bị cáo đã cung cấp thông tin giúp Công an xã T mật phục, bắt quả tang 04 đối tượng đang

có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại lán trại trên đồi bạch đàn thuộc thôn Q, xã T vào ngày 17/7/2025, hiện vụ việc đã được Công an xã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q khởi tố, điều tra; có thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh (cá nhân và Công ty bị cáo được tặng nhiều bằng khen, giấy khen); bị cáo tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự; quá trình sinh sống bị cáo có nhiều đóng góp cho địa phương, giúp đỡ người nghèo, người bị thiên tai. Bên cạnh đó, cần xem xét cho bị cáo đã sử dụng 41.100m³ đá hỗ trợ các địa phương xã T, xã D cũ trong việc khắc phục hậu quả lũ lụt, đường sá, giao thông nội đồng, hỗ trợ trường học, trạm xá và nâng cấp, tu sửa đường vào mỏ đá..., do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, Võ Văn T khai thời gian chỉ đạo việc khai thác đá ngoài phạm vi mỏ được cấp phép từ năm 2021 đến năm 2023, nhưng do các năm 2021, 2022 tình hình dịch bệnh Covid-19 không có khách hàng nên rất ít khai thác đá. Năm 2023, kinh tế bắt đầu hồi phục, có nhiều khách hàng nên Công ty đẩy mạnh khai thác đá phục vụ sản xuất kinh doanh. Bị cáo xác định số liệu đá khai thác ngoài phạm vi mỏ được cấp phép chủ yếu xảy ra trong năm 2023. Cơ quan điều tra không xác định được cụ thể hàng năm Võ Văn T chỉ đạo khai thác đá vượt ra ngoài phạm vi mỏ được cấp phép là bao nhiêu và không xác định được giá trị khoáng sản đã khai thác ngoài phạm vi mỏ được cấp phép hàng năm, đồng thời cũng không xác định được Công ty TNHH T5 lợi bất chính hàng năm từ việc khai thác khoáng sản ngoài phạm vi mỏ được cấp phép. Không đủ cơ sở để xác định Võ Văn T thu lợi bất chính từ đủ 100.000.000 đồng và giá trị khoáng sản khai thác được ngoài phạm vi cấp phép có trị giá từ đủ 500.000.000 đồng từ thời điểm nào để xác định hành vi của Võ Văn T cấu thành về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” vào thời điểm cụ thể nào. Vì vậy, không đủ cơ sở xác định Võ Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” vào thời điểm nào từ năm 2021 đến tháng 12 năm 2023. Do đó xác định Võ Văn T không phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” trong thời gian thử thách của án treo trên.

[5]. Xét tính chấp mức độ thực hiện hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Võ Văn T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Theo Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 của Bộ nhân mạnh vai trò quan trọng của doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân, trong phát triển kinh tế – xã hội. Trên tinh thần đó, chính sách xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp cần hướng đến giáo dục, phòng ngừa và tạo điều kiện khắc phục sai phạm. Vì vậy, ưu tiên xử phạt tiền đối với doanh nghiệp vừa bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, vừa góp phần thúc đẩy sự phát triển ổn định, lành mạnh của cộng đồng doanh nghiệp và nền kinh tế đất nước.

Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là đủ nghiêm khắc, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, thể hiện

chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật và phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về biện pháp ngăn chặn: Do bị cáo bị xử phạt tiền nên cần áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự để hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự:

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017 của Bộ T6 về Môi trường, cấp trữ lượng 333 có mức độ tin cậy địa chất của trữ lượng bảo đảm tối thiểu 20%. Do các thành viên giám định của Liên đoàn địa chất B, Cục Đ1 thuộc Bộ T6 không xác định được mức độ tin cậy địa chất của trữ lượng đạt bao nhiêu phần trăm (%) nên được áp dụng mức độ tin cậy tối thiểu của cấp trữ lượng. Như vậy: khối lượng đá khai thác ngoài phạm vi được cấp phép là 433.644m^3 (cấp trữ lượng 333) $\times 20\% = 86.728,8\text{m}^3$.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 3432/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Quảng Bình, kết luận: Giá trị 1m^3 đá vôi vi hạt màu xám, xám xanh, xám đen làm nguyên liệu xi măng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thời điểm năm 2021, 2022, 2023 là 110.000 đồng.

Như vậy: Tổng trị giá khoáng sản khai thác ngoài phạm vi được cấp phép (theo Quyết định số: 503/QĐ-UBND ngày 11/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q) là: $86.728,8\text{m}^3 \times 110.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 9.540.168.000 \text{ đồng}$.

Đối với số đá khai thác ngoài phạm vi cấp phép nêu trên, do không biết do vi phạm mà có nên Công ty TNHH T5 đã sử dụng để hỗ trợ các đơn vị trong địa phương xã T, xã D như: khắc phục hậu quả lũ lụt, đường sá, giao thông nội đồng, hỗ trợ trường học, trạm xá và nâng cấp, tu sửa đường vào mỏ đá... với tổng khối lượng hỗ trợ là 44.100m^3 . Vì vậy, cần xác định 41.100m^3 đá sử dụng vào việc hỗ trợ phục vụ lợi ích công cộng trên là để khắc phục hậu quả.

Căn cứ theo kết luận định giá tài sản: 44.100m^3 đá vôi vi hạt màu xám, xám xanh, xám đen làm nguyên liệu xi măng có giá: $44.100\text{m}^3 \times 110.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 = 4.851.000.000 \text{ đồng}$.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo Võ Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 400.000.000 đồng và Công ty TNHH T5 nộp số tiền 384.883.500 đồng để khắc phục hậu quả.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 3.904.284.500 đồng và tự nguyện nộp thêm 2.000.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Khoản tiền này được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo phải bồi thường nên bị cáo đã bồi thường đủ số tiền phải khắc phục hậu quả.

[6] Các đối tượng liên quan trong vụ án:

Trong vụ án này còn có các ông Võ Thanh K, Võ Thanh V1, trong thời gian từ năm 2019 đến tháng 6 năm 2023, đứng tên với các chức vụ: Chủ tịch Hội

đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH T5 nhưng thực tế ông K và ông V1 chỉ đứng tên theo danh nghĩa pháp lý của Công ty, vì trong thời gian trên Võ Văn T đang trong thời gian thi hành án treo của bản án về tội “Đánh bạc” nên nhờ các ông trên đứng tên thay để duy trì hoạt động của Công ty, Võ Văn Thế là người đứng sau điều hành và trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Công ty cũng như việc chỉ đạo khai thác đá tại mỏ đá Lèn K. Ông Võ Thanh K, Võ Thanh V1 không tham gia vào việc điều hành hoạt động khai thác đá tại mỏ đá Lèn Khe Dây, không biết và không được hưởng lợi ích cá nhân gì từ hoạt động khai thác đá vượt phạm vi mỏ được cấp phép. Do vậy, các ông Võ Thanh K, Võ Thanh V1 không đồng phạm với hành vi phạm tội của bị cáo Võ Văn T.

- Đối với ông Võ Tiến D – Giám đốc điều hành mỏ đá Lèn Khe Dây, Công ty TNHH T5: Võ Văn T ký quyết định bổ nhiệm ông Võ Tiến D làm Giám đốc điều hành mỏ đá Lèn Khe Dây là để hợp thức hóa hồ sơ khai thác mỏ theo quy định. Thực tế, ông Võ Tiến D không được bàn giao hoặc trao đổi cho biết các mốc chỉ giới khu vực được phép khai thác và tại các vị trí khai thác không có cắm mốc, không trực tiếp thực hiện việc điều hành hoạt động khai thác đá tại mỏ đá Lèn Khe Dây của Công ty TNHH T5 mà chỉ thực hiện theo dõi nhân sự. Mọi hoạt động của mỏ đá đều nằm dưới quyền điều hành và chỉ đạo của Võ Văn T. Ông Võ Tiến D không biết việc khai thác đá của Công ty đã vượt ra ngoài phạm vi của mỏ được cấp phép, không biết được khu vực đã khai thác nằm trong hay ngoài mốc chỉ giới được cấp phép. Do vậy, ông Võ Tiến D không đồng phạm với hành vi phạm tội của bị cáo Võ Văn T.

- Đối với ông Nguyễn Viết H1 – Kế toán trưởng của Công ty TNHH T5: Ông Nguyễn Viết H1 chỉ thực hiện việc quản lý hoạt động hành chính, tài chính của Công ty mà không tham gia vào các hoạt động khai thác tại Mỏ đá Lèn Khe Dây vì vậy ông H1 không biết được việc khai thác đã vượt phạm vi mỏ được cấp phép. Số lượng đá khai thác được sau khi đưa về khu chế biến thành đá thành phẩm, sau đó ông H1 chỉ phụ trách việc đo khối lượng và xuất bán cho các đối tác, dự án và sử dụng vào các hoạt động khác của Công ty mà không biết số đá trên do khai thác vượt phạm vi mà có. Do vậy, ông Nguyễn Viết H1 không đồng phạm với hành vi phạm tội của bị cáo Võ Văn T.

- Đối với các công nhân làm việc tại mỏ đá Lèn Khe Dây thuộc Công ty TNHH T5: Các công nhân có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T5 và được Võ Văn T giao nổ mìn, khai thác, vận chuyển đá tại khu mỏ đá Lèn K thuộc xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ). Mọi hoạt động khai thác, vận chuyển đều thực hiện dưới sự chỉ đạo phân công trực tiếp của Võ Văn T. Trong quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản các công nhân không biết các vị trí đã khai thác vượt ra ngoài phạm vi được cấp phép. Số công nhân trên làm công ăn lương, không được hưởng lợi ích gì từ việc khai thác vượt phạm vi trên. Vì vậy, các công nhân trên không đồng phạm với hành vi phạm tội của bị cáo Võ Văn T.

- Đối với các cá nhân đang công tác tại UBND xã T, UBND huyện Q, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q, Sở Công thương tỉnh Q (cũ) chịu trách nhiệm

trong việc quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, quá trình điều tra xác định: Quá trình quản lý, thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản tại địa bàn, các đơn vị đã thực hiện đầy đủ các hoạt động theo quy định tại Quy chế hoạt động của các đơn vị; Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc ban hành phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Đối với giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2022, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, theo chủ trương không tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra tránh tụ tập đông người nên Sở Nông nghiệp và Môi trường không tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với Công ty TNHH T5. Tuy nhiên, trong giai đoạn này các cá nhân, đơn vị có liên quan đều có văn bản yêu cầu các công ty được cấp phép khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (cũ) thực hiện đúng quy định về khai thác tài nguyên được cấp phép và các công ty đều có báo cáo cụ thể việc khai thác cho các cá nhân, đơn vị theo đúng quy định.

UBND xã T đã tiến hành xác định vị trí các mỏ khai thác đá trên địa bàn, tuy nhiên do hiện trường khai thác đá trên núi cao khó xác định và không có thiết bị, máy móc đo đạc để xác định ranh giới, vị trí khai thác cụ thể, vì vậy UBND xã T đã có báo cáo đề nghị UBND huyện Q để báo cáo cấp trên tiến hành kiểm tra hoặc cung cấp máy móc, thiết bị phục vụ xác định đúng ranh giới, vị trí của mỏ. UBND huyện Q đã báo cáo với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q để báo cáo cấp trên tiến hành kiểm tra hoặc cung cấp máy móc, thiết bị phục vụ xác định đúng ranh giới, vị trí của mỏ. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành các kế hoạch để kiểm tra và đến cuối năm 2023 được UBND tỉnh Q phê duyệt nên Sở N đã tiến hành kiểm tra và phát hiện được sai phạm nêu trên tại Công ty TNHH T5. Quá trình điều tra không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện các cá nhân trên có nhận tiền hay lợi ích gì từ Công ty TNHH T5. Vì vậy, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân, đơn vị nêu trên. Cơ quan điều tra đã ban hành Công văn số 3232/CV-CSKT ngày 10 tháng 11 năm 2025 gửi UBND tỉnh Q về việc kiến nghị đề nghị chấn chỉnh, tăng cường về công tác thanh tra, kiểm tra đối với khoáng sản chưa khai thác.

[7] Án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 35, các điểm b, s, t, v khoản 1,

khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung theo Điều 18 Luật số 86/2015/QH15 ngày 25/6/2025.

Tuyên xử:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội: “ Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”

Xử phạt tiền bị cáo Võ Văn T số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Thời hạn thi hành phạt tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật

2. Biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Hủy bỏ Lệnh cấp đi khỏi nơi cư trú số 18/LCĐKNCT-TA ngày 17/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị đối với bị cáo Võ Văn T.

3. Trách nhiệm dân sự:

* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Võ Văn T phải nộp số tiền 4.689.168.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) khắc phục hậu quả. Nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả. Trong đó:

- Số tiền 784.883.500 đồng (Bảy trăm tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng) bị cáo Võ Văn T và Công ty TNHH T5 nộp khắc phục hậu quả đã được Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Công an tỉnh Q chuyển vào tài khoản số 3949.0.1054129.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị mở tại Kho bạc nhà nước khu vực X- Phòng nghiệp vụ 2, theo Ủy nhiệm chi ngày 01 tháng 12 năm 2025.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp khắc phục hậu quả hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000034 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp khắc phục hậu quả hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000035 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp khắc phục hậu quả hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000036 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp khắc phục hậu quả hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000037 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp khắc phục hậu quả hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000038 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp khắc phục hậu quả hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000039 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp khắc phục hậu quả hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000040 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp khắc phục hậu quả hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000041 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 304.284.500 đồng (Ba trăm linh bốn triệu hai trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng) bị cáo Võ Văn T nộp khắc phục hậu quả hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000042 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

* Trả lại cho bị cáo Võ Văn T số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền tại Thi hành án dân sự tỉnh Q nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho thi hành án. Trong đó:

- Số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000028 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000029 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000030 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000031 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bị cáo Võ Văn T nộp hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tiền số 0000033 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Tuyên bố kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tính trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/01/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi cư trú có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDKV4 - Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Quảng Trị;
- PV 06 Công an tỉnh Quảng Trị;
- THADS KV4 - Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo, NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Mạnh Cường